

Số: 721/2026/QĐST- HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TUYỀN QUANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Minh Khánh và ông Ngô Cao Lâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 –
Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên

Căn cứ các Điều 212, 213, 235, 244 và 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 37, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 408/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 về việc “*Ly hôn tranh chấp về nuôi con*”,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh ngày 13/04/1993; số căn cước: 008193007917.

Địa chỉ: Thôn A, xã S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Hải B**, sinh ngày 25/10/1989; số căn cước: 008089009485.

Địa chỉ: Thôn A, xã S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Hải B nhất trí thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 20 tháng 5 năm 2011 tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang)

2.2. *Về con chung:* Giao cháu Trần Tiên T, sinh ngày 23/03/2017 và cháu Trần Phong T1, sinh ngày 18/05/2021 cho anh Trần Hải B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lê Thị H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Hải B và được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung:* Chị Lê Thị H và anh Trần Hải B đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về vay nợ chung:* Chị Lê Thị H và anh Trần Hải B đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001457, ngày 25/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Anh Trần Hải B không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND khu vực 1 – TQ (02 bản);
- Thi hành án dân sự tỉnh TQ (để thi hành);
- UBND xã Sơn Dương
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến